HĐND XÃ TU MƠ RÔNG **ĐOÀN GIÁM SÁT BAN VHXH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/BC-ĐGS	*Tu Mơ Rông, ngày 12 tháng 9 năm 2025*

BÁO CÁO

Kết quả giám sát việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội 6 tháng cuối năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025 trên địa bàn xã Tu Mơ Rông theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ

Căn cứ Kế hoạch số 01/KH-BVXH, ngày 4 tháng 7 năm 2025 của Phòng Văn hóa - Xã hội về việc giám sát thực hiện chính sách trợ giúp xã hội (BTXH) theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và các văn bản liên quan;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-BVXH, ngày 9 tháng 7 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND xã Tu Mơ Rông về việc thành lập Đoàn giám sát;

Trên cơ sở kết quả giám sát việc triển khai thực hiện chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội (BTXH) 6 tháng cuối năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025 trên địa bàn xã; Đoàn giám sát đã tổng hợp kết quả giám sát như sau:

I. TÌNH HÌNH ĐẶC ĐIỂM CHUNG

Tu Mơ Rông là xã miền núi gồm 17 thôn với tổng 1.215 hộ và 6.307 khẩu, trên 95% là đồng bào dân tộc thiểu số. Kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp tự cung tự cấp và phát triển dược liệu (sâm Ngọc Linh), nhưng địa phương gặp nhiều khó khăn do địa hình đồi núi, thiên tai thường xuyên (lũ lụt, sạt lở), dân trí thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao (30-40%). Những yếu tố này làm gia tăng số lượng đối tượng BTXH như người khuyết tật, trẻ em mồ côi, người cao tuổi không nơi nương tựa. Tuy nhiên, việc triển khai chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP đã góp phần ổn định đời sống, bảo đảm an sinh cho các đối tượng yếu thế trên địa bàn xã.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Việc thực hiện các văn bản của cấp trên

UBND xã đã triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn từ Trung ương, Tỉnh và chỉ đạo của Đảng ủy, bao gồm cả Nghị định 20/2021/NĐ-CP, Thông tư 35/2021/TT-BLĐTBXH và Nghị định 76/2024/NĐ-CP (tăng mức chuẩn trợ giúp từ 360.000 đồng lên 500.000 đồng/tháng từ ngày 01/7/2024) trong 6 tháng đầu năm 2025.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo phối hợp triển khai thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng BTXH trên địa bàn xã

UBND xã phối hợp hiệu quả về công tác tuyền truyền với các tổ chức đoàn thể (Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên) để rà soát, quản lý đối tượng BTXH. Ban chỉ đạo cấp xã với 05 thành viên họp định kỳ hàng quý để giám sát chi trả và hỗ trợ.

3. Công tác tuyên truyền

Công tác tuyên truyền được triển khai qua 10 buổi tại các thôn, sử dụng loa phát thanh, tờ rơi, họp dân, tiếp cận 80% hộ dân, đặc biệt là đối tượng dân tộc thiểu số, giúp nâng cao nhận thức về quyền lợi trợ giúp xã hội.

4. Công tác quản lý đối tượng

Theo báo cáo của Phòng Văn hóa- Xã hội, tổng số đối tượng quản lý, chi trả trợ cấp hàng tháng theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP:

- 6 tháng cuối năm 2024: 343 đối tượng hưởng trợ cấp với tổng kinh phí chi trả 1.497.250.000 đồng.

- 6 tháng đầu năm 2025: 290 đối tượng hưởng trợ cấp, với tổng kinh phí 1.294.250.000 đồng.

4.1. Tổng số đối tượng tăng, giảm theo từng nhóm trong 6 tháng cuối năm 2024 và trong 6 tháng đầu năm 2025:

- 06 tháng cuối năm 2024: Tăng 10 đối tượng, giảm 23 đối tượng.

- 6 tháng đầu năm 2025: Tăng 10 đối tượng, giảm 47 đối tượng.

***Cụ thể theo từng đối tượng tại các khoản của Điều 5 Nghị định số 20/2021:**

+ Người cao tuổi: 60-120 đối tượng (hệ số 0,5-1,5).

+ Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng: 28-57 đối tượng (hệ số 1,5-2,5).
+ Hộ gia đình nuôi con nhỏ: 5 đối tượng (hệ số 1,0).

+ Nghệ nhân ưu tú: 01 đối tượng, chi trả 700.000 đồng/tháng.

5. Kết quả thực hiện chi trả, giải quyết các chế độ chính sách cho các đối tượng BTXH trên địa bàn xã

UBND xã chỉ đạo Phòng Văn hóa – Xã hội, cơ quan liên quan báo cáo đánh giá đầy đủ quá trình phối hợp giữa các đơn vị về việc thực hiện việc chi trả, hỗ trợ giải quyết chế độ, chính sách cho các đối tượng BTXH theo quy định của Nghị định.

***6 tháng cuối 2024:**

a. Tổng kinh phí thực hiện chính sách bảo trợ xã hội trên địa bàn xã: 1.497.250.000 đồng.

b. Chi tiết kinh phí thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội:

* Chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng; chế độ đối với cá nhân, gia đình nhận chăm sóc, nuôi dưỡng cộng đồng:

+ Chi trả trực tiếp cho đối tượng: 1.250.000.000 đồng.

+ Chi trả cho hộ gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng NKT tại nhà: 150.000.000 đồng.

+ Hỗ trợ chi phí mai táng: 10.000.000 đồng (01 trường hợp).

+ Bảo hiểm y tế: 80.000.000 đồng (100% đối tượng được cấp thẻ).

+ Kinh phí quản lý: 7.250.000 đồng.

***6 tháng đầu năm 2025 (tính đến thời điểm giám sát):**

a. Tổng kinh phí thực hiện chính sách bảo trợ xã hội trên địa bàn xã: 1.294.250.000 đồng.

b. Chi tiết kinh phí thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội: Chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng; chế độ đối với cá nhân, gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng nhà:

+ Chi trả trực tiếp cho đối tượng: 1.100.000.000 đồng.

+ Chi trả cho hộ gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng NKT tại nhà: 120.000.000 đồng.

+ Hỗ trợ chi phí mai táng: 10.000.000 đồng (01 trường hợp).

+ Bảo hiểm y tế: 60.000.000 đồng (100% đối tượng được cấp thẻ).

+ Kinh phí quản lý: 4.250.000 đồng.

III. CÔNG TÁC XÉT DUYỆT TRỢ GIÚP XÃ HỘI VÀ HỘI ĐỒNG XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ KHUYẾT TẬT ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG

1. 06 tháng cuối năm 2024:

Về tổ chức UBND Quyết định thành lập, kiện toàn Hội đồng xét duyệt cấp xã với 7/7 thành viên. Cơ chế hoạt động của Hội đồng xét duyệt về việc đề nghị phê duyệt hồ sơ để giải quyết chế độ cho các đối tượng BTXH trên địa bàn xã: Hoạt động hiệu quả, thẩm định hồ sơ và đề nghị giải quyết chế độ BTXH định kỳ.

***Kết quả xét duyệt, giải quyết chế độ, chính sách cho các đối tượng trong 6 tháng cuối năm 2024 và trong 6 tháng đầu năm 2025 (tính đến thời điểm giám sát):**

+ Lập 01 hồ sơ và 01 đối tượng BTXH được xét duyệt giải quyết chế độ (người khuyết tật).

+ Người khuyết tật: 01 người (mức độ nặng), không giới thiệu giám định y khoa; không có người già, trẻ em trong nhóm này.

+ Trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em dưới 03 tuổi: Không ghi nhận.

+ Người cao tuổi không có người phụng dưỡng: Không ghi nhận.

+ Người mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh mãn tính cần hỗ trợ: Không ghi nhận.

+ Các đối tượng khác theo quy định của pháp luật: Không ghi nhận.

6 tháng đầu năm 2025:

Tương tự như cuối năm 2024 và lập 01 hồ sơ người khuyết tật (mức độ nặng), không ghi nhận các đối tượng khác. Kinh phí hoạt động tiếp tục từ ngân sách hàng năm.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Báo cáo đảm bảo theo đề cương và nêu rõ những thuận lợi, hiệu quả, tiến độ trong quá trình phối hợp thực hiện công tác trợ giúp giải quyết các chế độ, chính sách cũng như việc triển khai chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn xã cơ bản bảo đảm kịp thời, đúng quy định, góp phần ổn định đời sống cho các đối tượng yếu thế.

- Tổng số đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội: 6 tháng cuối năm 2024 là **343 đối tượng** với tổng kinh phí **1.497.250.000 đồng,** 6 tháng đầu năm 2025 là **290 đối tượng** với tổng kinh phí **1.294.450.000 đồng**. Công tác chi trả, quản lý, xét duyệt được thực hiện tương đối đầy đủ; 100% đối tượng bảo trợ xã hội được cấp thẻ bảo hiểm y tế.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ kịp thời theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP và Nghị định 76/2024/NĐ-CP được đảm bảo (*tăng mức chuẩn trợ giúp từ 360.000 đồng lên 500.000 đồng/tháng từ ngày 01/7/2024)*.

- Công tác phối hợp chặt chẽ giữa UBND và các tổ chức đoàn thể, góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác tuyên truyền, tiếp cận được đa số hộ dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số. Triển khai, thực hiện tốt chính sách đối với đối tượng Bảo trợ xã hội, góp phần ổn định đời sống cho các đối tượng yếu thế.

2. Hạn chế, tồn tại

- Số liệu giữa các báo cáo còn chưa thống nhất; việc cập nhật, điều chỉnh đôi lúc chậm, gây khó khăn trong theo dõi, tổng hợp[1]. Danh sách chi trả tháng 8/2025 vẫn còn sai thông tin (tên, địa chỉ, ngày tháng năm sinh) của một số đối tượng.

- Công tác chi trả có thời điểm gián đoạn, địa điểm chi trả tại trung tâm xã gây khó khăn cho một số thôn (tháng 7, 8 năm 2025 chi trả chậm cho các đối tượng)

- Nhân lực làm công tác bảo trợ xã hội chủ yếu kiêm nhiệm, chưa có cán bộ chuyên trách; cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế.

---

[1] Qua giám sát tại các thôn vẫn còn ý kiến, kiến nghị các trường hợp chưa được hưởng chế độ, cụ thể: thôn Đăk chum 1 trường hợp Y Thể sinh 1949, chưa được hưởng chế độ người cao tuổi; thôn Đăk Ka 01 trường hợp có hồ sơ bệnh án tại trạm y tế đang điều trị về thần kinh chưa được hưởng chế độ; Cháu A Ngọc Nhật sinh năm 2025 thuộc hộ nghèo chưa được hưởng chế độ trẻ em dưới 3 tuổi.

- Hoạt động tuyên truyền còn đơn điệu, chưa bao phủ hết các hộ dân khó khăn; chưa có kế hoạch riêng, chủ yếu lồng ghép trong các cuộc họp thôn

3. Đề xuất, kiến nghị

3.1. UBND xã chỉ đạo phòng Văn hóa – Xã hội rà soát, chuẩn hóa số liệu và mức chi trả theo Nghị định 76/2024/NĐ-CP; Liên hệ và kịp thời hướng dẫn hộ gia đình đã ý kiến về các trường hợp đủ điều kiện mà chưa được hưởng chế độ theo quy định; phối hợp với các thôn, đối chiếu lại danh sách và điều chỉnh tên và địa chỉ cho phù hợp với thực tế.

3.2. Bố trí phương án chi trả lưu động linh hoạt tại các thôn hoặc thuê dịch vụ chi trả, chi trả qua tài khoản.

3.3. Trang bị thêm cơ sở vật chất, công nghệ thông tin cho quản lý hồ sơ. Xem xét bố trí công chức chuyên trách công tác BTXH.

3.4. Đa dạng hóa tuyên truyền, tích hợp với các chương trình giảm nghèo, dân tộc, phòng chống thiên tai.

3.5. Đánh giá tác động thực tiễn, xây dựng phương án ứng phó thiên tai gắn với việc chi trả trợ cấp xã hội, đảm bảo chính sách không bị gián đoạn.

Trên đây là báo cáo giám sát việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội (BTXH) 6 tháng cuối năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025 trên địa bàn xã Tu Mơ Rông của Ban Văn hóa - xã hội, HĐND xã Tu Mơ Rông./.

Nơi nhận:
- TT. Đảng ủy xã (b/c);
- TT. HĐND xã;
- UBND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- LĐ. VP HĐND-UBND xã;
- Lưu: VT, TH.

TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN

H.Đ.N.D XÃ TU MƠ RÔNG T. QUẢNG NGÃI

Lương Dương Thanh